TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 05 - 2023
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng
Bà Đỗ Mỹ Lil

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 về việc "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Dương Thị Thùy N - sinh năm 1988
Địa chỉ: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có đơn xin vắng mặt);
- *Bị đơn:* Lê Tài L, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Khóm D, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 /03/2023 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị N và anh L tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân UBND thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau (theo giấy trích lục kết hôn ngày 22/3/2023; Đăng ký kết hôn số 256 ngày 13.12.2022). Quá trình chung sống có 2 con chung tên Lê Bảo N1, ngày sinh 21/04/2020 và Lê Quốc T sinh ngày 22/3/2022, (con chung hiện nay anh L đang nuôi dạy cháu N1, cháu T chị N đang nuôi dạy).

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tài L.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Đồng ý giao cho anh L nuôi cháu Lê Bảo N1 ngày sinh 21/04/2020, chị N nhận nuôi cháu Lê Quốc T sinh ngày 22.3.2022, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn Lê Tài L:

Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng bị đơn không có mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn và bị đơn củng không có ý kiến phản hồi về việc khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau; nhưng chị N và anh L không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N đã xác định không còn hạnh phúc với anh L. Đối với bị đơn L Tòa án đã triệu tập 2 lần để hòa giải nhưng anh L không có mặt và củng không có ý kiến gì về việc chị N xin ly hôn, như vậy chứng tỏa anh L không quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng với chị N. Do đó xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh L không có thiện chí hàn gắn, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Lê Bảo N1, ngày sinh 21/4/2020, từ ngày chị N và anh L sống ly thân với nhau cháu N1 được anh L nuôi dạy. Nay chị N đồng ý giao cho anh L tiếp tục nuôi dạy cháu N1, do đó chấp nhận giao cháu N1 cho anh L

nuôi dạy. Đối với cháu Lê Quốc T sinh ngày 22.03.2022, cháu chưa tròn 36 tháng tuổi, chị N yêu cầu nuôi cháu T do đó chấp nhận giao cháu T cho chị N nuôi dạy là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Chị N và anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở chị N và anh L thực hiện quyền này và chị N phải tôn trọng quyền của cháu N1 được sống với anh L và anh L phải tôn trọng quyền của cháu T được sống với chị N là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Do nguyên đơn cho rằng tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn nên Hội đồng xét xử tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào các đương sự yêu cầu mà có căn cứ thì giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[8] *Xét về án phí:* Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Dương Thị Thùy N.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Thùy N và anh Lê Tài L.

Về con chung: Giao cho anh Lê Tài L có trách nhiệm nuôi cháu Lê Bảo N1, sinh ngày 21/4/2020 (cháu N1 anh L đang trực tiếp nuôi dạy). Giao cho chị N có trách nhiệm nuôi cháu Lê Quốc T sinh ngày 22.03.2022 (cháu T hiện chị N đang nuôi dạy). Chị N và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N và anh L có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai ngăn cản chị N và anh L thực hiện quyền này và chị N phải tôn trọng quyền của cháu N1 được sống với anh L và anh L phải trôn trọng quyền của cháu T được sống với chị N.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0006427 ngày 24/03/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung